

HỎA TỐC

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, kỳ họp thứ Bảy về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau để triển khai thực hiện; sau đó đã tiếp tục ban hành Kế hoạch 03/KH-UBND ngày 08/01/2019 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Bên cạnh đó, với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự điều hành linh hoạt, chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 thông qua các Phiên họp thường kỳ hàng tháng, trực tiếp làm việc với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố Cà Mau để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thường xuyên tổ chức đối thoại, lắng nghe, giải quyết kịp thời những kiến nghị của doanh nghiệp, người dân. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm của toàn Đảng bộ, sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh Cà Mau tiếp tục đạt những kết quả quan trọng, cơ bản toàn diện trên các lĩnh vực. Cụ thể như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP theo giá so sánh) năm 2019, ước đạt

43.320 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2018¹ (bằng kế hoạch năm 2019).

- Cơ cấu kinh tế năm 2019: Khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 29,2% GRDP; Công nghiệp - xây dựng 26,1%; Dịch vụ 40,9%; Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm 3,8%².

- GRDP bình quân đầu người năm 2019 ước đạt 47,1 triệu đồng (kế hoạch 45,6 triệu đồng).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2019 ước đạt 13.810 tỷ đồng (kế hoạch 13.400 tỷ đồng).

2. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp

Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển ổn định. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 được đẩy mạnh thực hiện. Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp³; từng bước hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất quy mô lớn, liên kết sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị với các đơn vị⁴; triển khai nhiều mô hình sản xuất thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu⁵; đồng thời, xây dựng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa đặc thù của tỉnh Cà Mau và tổ chức quản lý; khai thác, phát triển các sản phẩm đã được bảo hộ⁶. Từ những nỗ lực trên đã góp phần đạt được một số kết quả nổi bật trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng thủy sản năm 2019 ước đạt 568.000 tấn, bằng 101,4% kế hoạch, tăng 3,2% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng tôm ước đạt 200.000 tấn, bằng 95,9% kế hoạch, tăng 5,2% so cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 302.000

¹ Trong đó, lĩnh vực: Ngư, nông, lâm nghiệp ước đạt 12.340 tỷ đồng, tăng 6,5% so cùng kỳ; Công nghiệp, xây dựng đạt 11.470 tỷ đồng, tăng 5% so cùng kỳ; Dịch vụ đạt 17.800 tỷ đồng, tăng 8,7% so cùng kỳ; Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm đạt 1.710 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ.

² Tương đương với kế hoạch năm 2019.

³ Tập trung thúc đẩy áp dụng VietGAP và các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nuôi tôm. Tỉnh đã phối hợp với Tổ chức đánh giá chứng nhận VietGap cho 320 hộ nuôi tôm với diện tích 729 ha; chứng nhận 457 hộ/875.5 ha nuôi tôm theo tiêu chuẩn ASC, 3.944 hộ/18.025 ha nuôi tôm rừng theo tiêu chuẩn Organic... Thực hiện nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả: Mô hình liên kết sản xuất nuôi tôm quảng canh cải tiến; mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến ít thay nước; mô hình nuôi tôm thẻ thâm canh có hồ siphon tuần hoàn khép kín; mô hình nuôi tôm siêu thâm canh; mô hình cánh đồng lớn luân canh lúa tôm và lúa cao sản; mô hình nuôi gà an toàn sinh học, mô hình nuôi xen canh tôm càng xanh - lúa...

⁴ Đã có 22 doanh nghiệp ký kết 61 lượt hợp đồng hợp tác phát triển chuỗi giá trị ngành hàng tôm với 23 hợp tác xã, tổ hợp tác (800 hộ, diện tích 1.323,3 ha), để cung ứng vật tư đầu vào và xây dựng vùng nguyên liệu tôm có chứng nhận quốc tế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

⁵ Mô hình canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình nuôi luân canh lúa - tôm, mô hình nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu,... Các mô hình đã đem lại hiệu quả thiết thực, giúp nâng cao thu nhập và nhận thức của bà con nông dân với biến đổi khí hậu.

⁶ Đã xây dựng 13 nhãn hiệu tập thể hàng hóa cho các sản phẩm đặc thù của Cà Mau và hướng đến xây dựng chỉ dẫn địa lý tôm sú.

ha, trong đó có 280.000 ha nuôi tôm (trong diện tích nuôi tôm có 8.740 ha diện tích nuôi tôm công nghiệp, trong đó diện tích nuôi tôm siêu thâm canh 2.510 ha, năng suất bình quân từ 40 - 50 tấn/ha diện tích mặt nước nuôi/vụ, tỷ lệ thành công trên 85%). Khai thác thủy sản hiệu quả, ổn định; hậu cần nghề cá từng bước đáp ứng được yêu cầu sản xuất; công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường; công tác đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép hoạt động tàu cá có nhiều tiến bộ.

- Ban hành Kế hoạch chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và Kế hoạch tuần tra, kiểm soát các hoạt động nghề cá trên vùng biển tỉnh Cà Mau để chỉ đạo tập trung thực hiện các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định⁷; trong đó tập trung thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC). Chuẩn bị tốt các điều kiện tiếp, làm việc với Đoàn thanh tra Ủy ban Châu Âu.

- Tổng diện tích trồng lúa năm 2019 ước đạt 112.500 ha, tổng sản lượng ước đạt 520.000 tấn, năng suất bình quân 4,5 tấn /ha; tỷ lệ lúa sinh thái, lúa sạch ngày càng tăng. Diện tích chuyển đổi cơ cấu giống lúa chất lượng cao, diện tích ứng dụng quản lý dịch bệnh tổng hợp (IPM) tăng nhanh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lúa của tỉnh. Công tác bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được quan tâm thực hiện, đặc biệt là bệnh Dịch tả heo châu Phi. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp⁸.

- Tiếp tục chú trọng thực hiện công tác trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các đơn vị chủ rừng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, quản lý, bảo vệ rừng nhằm hạn chế tối đa các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng⁹. Tuy thời tiết mùa khô năm 2018 - 2019 diễn ra gay gắt nhưng công tác phòng, chống cháy rừng được đẩy mạnh thực hiện, các đơn vị chủ rừng quản lý chặt chẽ địa bàn, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đã được phê duyệt; do đó, không xảy ra cháy rừng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, huy động tất cả mọi nguồn lực xã hội tham gia. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện đến nay còn khá chậm. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

⁷ Đến nay, đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được 1.063/1.661 phương tiện thuộc diện bắt buộc lắp đặt thiết bị và đang quyết liệt thực hiện đối với các phương tiện còn lại. Qua lắp đặt, giám sát đã theo dõi, kịp thời nhắc nhở và xử lý các phương tiện vi phạm vùng biển nước ngoài.

⁸ Đến ngày 30/10/2019 dịch tả heo Châu Phi đã xuất hiện tại 81 xã/phường/thị trấn thuộc 9 huyện, thành phố Cà Mau; với số lượng tiêu hủy 9.301 con, tổng trọng lượng 617.599 kg. Ước năm 2019, tổng đàn heo xuất chuồng đạt 190.000 con, tương đương 79,2% kế hoạch, giảm 9,2% so cùng kỳ.

⁹ Trồng rừng thâm canh tại khu vực rừng U Minh Hạ đến nay đạt 19.000ha. Ước năm 2019 diện tích rừng tập trung đạt 96.000 ha, bằng kế hoạch năm 2019; tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đến cuối năm 2019 ước đạt 25,6%, tương đương kế hoạch. Phát hiện và xử phạt 124 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, giảm 69 vụ so cùng kỳ, thu phạt 444,6 triệu đồng.

để rút kinh nghiệm và đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo. Dự kiến cuối năm 2019, có từ 35 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới¹⁰.

3. Công thương nghiệp, giao thông vận tải

3.1. Công thương nghiệp

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển, tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp như: Chế biến thủy sản, khí hóa lỏng,...

- Ước năm 2019, sản lượng chế biến tôm đạt 143.900 tấn, bằng 100% kế hoạch, giảm 3,6% so cùng kỳ; sản lượng điện sản xuất đạt 08 tỷ KWh, bằng 100% kế hoạch, tăng 8,6% so cùng kỳ; sản lượng đạm đạt 0,8 triệu tấn, bằng 100% kế hoạch, thấp hơn 0,8% so cùng kỳ; sản lượng khí thương phẩm đạt 02 tỷ m³, bằng 100% kế hoạch, tăng 10,1% so cùng kỳ.

- Hệ thống lưới điện nông thôn được ưu tiên đầu tư gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới về điện¹¹. Bên cạnh đó, hệ thống lưới điện phục vụ nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh cơ bản đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân nuôi tôm trên địa bàn tỉnh. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo đang được các doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội đầu tư khai thác¹².

- Hệ thống mạng lưới bán buôn, bán lẻ được đầu tư phát triển ở cả thành thị và nông thôn, thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư một số dịch vụ thương mại với quy mô lớn và hiện đại¹³. Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, điều chỉnh cơ cấu thị trường xuất khẩu được các doanh nghiệp quan tâm.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2019 ước đạt 1.100 triệu USD, bằng 91,7% kế

¹⁰ Tính đến nay trên địa bàn 82 xã: Tổng số tiêu chí đạt 1.186 tiêu chí, bình quân đạt 14,5 tiêu chí trên xã, cụ thể như sau:

+ 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 36,6%; (so cùng kỳ tăng 01 xã là xã Khánh Tiên, huyện U Minh);

+ 10 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; chiếm tỷ lệ 12,2%; (tăng 10 xã so cùng kỳ)

+ 35 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; chiếm tỷ lệ 42,7 (không tăng so cùng kỳ)

+ 07 xã đạt từ 08 - 09 tiêu chí; chiếm tỷ lệ 8,5% (giảm 11 xã so cùng kỳ).

¹¹ Lũy kế số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đến tháng 10/2019 đạt 305.455/305.654 hộ, chiếm 99,9% tổng số hộ toàn tỉnh (kế hoạch năm 2019 đạt 99,5%).

¹² Về điện gió, tính đến nay đã thu hút khoảng 40 doanh nghiệp trong và ngoài nước đến tìm kiếm cơ hội và đầu tư khai thác; đã có 08 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng công suất 550MW, dự kiến đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn 2021 - 2025. Về phát triển năng lượng mặt trời trên mái nhà, đã có 135 khách hàng đầu tư lắp đặt tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà với tổng công suất 1.541,32 kWp, sử dụng công tơ 2 chiều để hòa lưới điện quốc gia.

¹³ Hạ tầng thương mại hiện đại ngày càng phát triển, các trung tâm mua sắm như: Trung tâm thương mại Sense City Cà Mau, Siêu thị điện máy Nguyễn Kim, Chợ Lớn, Điện máy Xanh, Trung tâm thương mại Vincom... hoạt động sôi nổi và nhiều cửa hàng tiện lợi được đầu tư mở rộng, đáp ứng ngày tốt hơn nhu cầu mua sắm tiêu dùng của nhân dân. Ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 đạt 62.350 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

hoạch, giảm 2,5% so cùng kỳ¹⁴. Nguyên nhân: Một số doanh nghiệp xuất khẩu khá có quy mô trong tình gặp khó khăn về tài chính; các doanh nghiệp trong tỉnh và ngoài tỉnh thu mua tôm nguyên liệu, thu mua sản phẩm chế biến để cung ứng cho tiêu dùng và bán nội địa cho doanh nghiệp của các tỉnh/thành khác để xuất khẩu; ảnh hưởng từ chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung nên các nhà nhập khẩu (Mỹ, Trung, Hàn, Nhật, Úc.....) siết chặt kiểm soát và tăng cường truy xuất nguồn gốc...

3.2. Giao thông vận tải

Công tác quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện ra vào bến bãi an toàn, đúng quy định. Công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy, thu phí bảo trì đường bộ được duy trì thực hiện¹⁵.

Công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung thực hiện¹⁶. Hạ tầng giao thông nông thôn tiếp tục được các địa phương quan tâm gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới¹⁷. Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm, chú trọng; việc khoán bảo dưỡng thường xuyên được tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, tiết kiệm chi phí cho ngân sách nhà nước.

4. Tài chính, ngân hàng

Công tác xây dựng dự toán thu, quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện đúng quy định, chống thất thu và tiết kiệm chi có hiệu quả gắn với thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Thu ngân sách ước cả năm đạt 5.130 tỷ đồng, vượt 12,3% dự toán, tăng 8,8% so cùng kỳ¹⁸. Chi ngân sách ước cả năm đạt 12.502,7 tỷ đồng, vượt 28,9% dự

¹⁴ Trong đó xuất khẩu thủy sản đạt 1.061,8 triệu USD, xuất khẩu đạm đạt 38,2 triệu USD. Thị trường xuất khẩu hàng thủy sản của tỉnh chủ yếu là: Mỹ, Nhật, Canada, EU...; Kim ngạch xuất khẩu lũy kế 10 tháng đầu năm đạt 809,27 triệu USD, đạt 67,4% kế hoạch, giảm 3,7% so cùng kỳ (trong đó, thủy sản lũy kế 764,4 triệu USD, đạt 65,3% kế hoạch, giảm 6% so với cùng kỳ; phân đạm lũy kế 44,86 triệu USD, vượt 49,5% kế hoạch, tăng 66,3% so với cùng kỳ). Kim ngạch nhập khẩu lũy kế 61,74 triệu USD.

¹⁵ Trong 10 tháng đầu năm 2019, đã thực hiện đăng ký 207 phương tiện và đăng kiểm 2.008 phương tiện thủy; kiểm tra 11.475 phương tiện cơ giới đường bộ, đạt yêu cầu 9.958 phương tiện, tổng thu phí bảo trì đường bộ 24,7 tỷ đồng. Ước cả năm 2019, đăng kiểm 2.430 lượt phương tiện thủy nội địa; tổng kiểm tra để đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ 14.350 phương tiện, đạt yêu cầu 12.960 phương tiện; tổng thu phí bảo trì đường bộ đối với ô tô được 30 tỷ đồng.

¹⁶ Thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình giao thông và đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, gồm: Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đường Bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc Lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc) theo hình thức hợp đồng BT; Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc theo hình thức hợp đồng BT và Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc Lộ 63.

¹⁷ Trong 10 tháng đầu năm 2019 đã xây dựng được 410,8 km đường bê tông, vượt 37% kế hoạch năm và 153,3km lộ đất đen với tổng giá trị khối lượng thực hiện khoảng 319,3 tỷ đồng. Ước đến cuối năm 2019 xây dựng được 440 km đường bê tông, vượt 47% kế hoạch.

¹⁸ Tính đến ngày 19/11/2019, thu ngân sách đạt 4.870,8 tỷ đồng, đạt 106,6% dự toán, tăng 19,7% so cùng kỳ.

toán, tăng 9,2% so cùng kỳ¹⁹.

Hoạt động tín dụng ổn định, chất lượng tín dụng nhìn chung khá tốt, cho vay có trọng điểm, đầu tư tập trung cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như: Thủy sản, nông nghiệp và chế biến hàng xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh²⁰.

5. Đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm; ưu tiên đầu tư vào các ngành, lĩnh vực hạ tầng quan trọng như: Giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với mục tiêu, định hướng Kế hoạch đầu tư công của tỉnh; xây dựng giao thông nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực²¹.

Kế hoạch vốn đầu tư công được phân bổ kịp thời và giao cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện ngay từ đầu năm. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư được thực hiện tích cực. Bên cạnh đó, thực hiện Công điện số 1042/CD-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 29/10/2019 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản, giải pháp chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019²², qua đó ý thức, trách nhiệm và kỷ cương trong quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh đang được cải thiện và đi vào nề nếp. Tuy nhiên, tình hình giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm so với kế hoạch²³; do các dự án, công trình khởi công mới phải triển khai các bước thủ tục chuẩn bị thực hiện đầu tư theo quy định²⁴, việc triển khai các gói thầu xây

¹⁹ Tính đến ngày 19/11/2019, chi ngân sách đạt 8.593 tỷ đồng, bằng 88,6% dự toán, tăng 3,9% so cùng kỳ.

²⁰ Trên địa bàn tỉnh hiện có 30 tổ chức tín dụng (TCTD); gồm: 26 chi nhánh Ngân hàng Thương mại, 02 chi nhánh Ngân hàng Chính sách và 02 Quỹ tín dụng nhân dân. Tổng dư nợ cho vay 10 tháng đầu năm ước đạt 44.798 tỷ đồng, tăng 3,3% so cùng kỳ. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ cho vay (không tính Chi nhánh Ngân hàng Phát triển) là 5,18% (2.252,2 tỷ đồng), tăng 3,4% so cùng kỳ năm 2018; nếu tính Chi nhánh Ngân hàng Phát triển, tỷ lệ nợ xấu là 7,78% (3.486,2 tỷ đồng), tăng 3,07% so cùng kỳ.

²¹ Tính đến tháng 10 năm 2019, toàn tỉnh số có 81/82 xã có đường ô tô đến trung tâm, đạt tỷ lệ 98,8% (còn lại tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi).

²² (1) Tập trung đẩy nhanh tiến độ đền bù, GPMB, công tác lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh toán; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan thẩm quyền xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ, chất lượng xây dựng công trình, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết. (2) Yêu cầu các chủ đầu tư lập Bảng tiến độ thực hiện và giải ngân chi tiết của từng dự án, báo cáo định kỳ hàng tháng. (3) Rà soát, lập danh mục dự án trọng điểm, quan trọng của tỉnh và phân công cụ thể từng cá nhân lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện. (4) Rà soát, tham mưu đề xuất trình HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 theo hướng điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ dự án có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc không có khả năng giải ngân trong năm 2019 để điều chỉnh tăng cho dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư; rà soát, tổng hợp đề xuất cơ quan trung ương xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương theo quy định để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân tốt kế hoạch vốn được giao.

²³ Tính đến ngày 20/11/2019 tỷ lệ giải ngân đạt 59,4%. Năm 2016, tỷ lệ giải ngân đạt 97,9%; năm 2017 tỷ lệ giải ngân đạt 91,1%; năm 2018 tỷ lệ giải ngân đạt 77,8%.

²⁴ Trung bình kéo dài khoảng 06 tháng, nên đến cuối quý II/2019 hoặc đầu quý III/2019 mới khởi công công trình, sau đó mới có khối lượng hoàn thành và giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí.

lắp đổi với các dự án sử dụng vốn ODA mất nhiều thời gian do phải thông qua Nhà Tài trợ vốn ODA²⁵, một số dự án còn gặp khó khăn trong công tác lập phương án, bồi hoàn GPMB²⁶ và trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo hiệu quả đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư²⁷,...

Công tác quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh được chú trọng thực hiện, gắn kết với việc phát triển đô thị và các vùng phụ cận trong mối quan hệ tác động hỗ trợ cùng phát triển²⁸. Tỉnh Cà Mau đang xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đối với các dự án khu vực phát triển đô thị cũ, thực hiện đôn đốc, nhắc nhở các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án, đảm bảo chất lượng đầu tư hạ tầng thuộc các dự án theo cam kết; đồng thời, tích cực tìm giải pháp thích hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư. Quan tâm thực hiện công tác nghiệm thu, bàn giao hạ tầng kỹ thuật cho địa phương quản lý²⁹.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư đến tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh nhà. Thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh các chính sách, quy trình, thủ tục phê duyệt hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục nhận hỗ trợ và hỗ trợ có mục tiêu, trọng điểm. Do đó, tuy số lượng doanh nghiệp thành lập mới số dự án đầu tư thấp hơn cùng kỳ nhưng bình quân vốn đăng ký tăng mạnh, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh³⁰.

²⁵ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Hồ sơ mời thầu, Kết quả đấu thầu...

²⁶ Như: Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng, Dự án nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau, Trụ sở hành chính xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, Tuyến đường bờ Tây kênh Kiềm Lâm, huyện Phú Tân...

²⁷ Như: Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá Khánh Hội, huyện U Minh; Dự án Trồng rừng phòng hộ ven sông, gây bồi tạo bãi trồng rừng cửa sông, ven biển...

²⁸ Quy hoạch vùng tỉnh Cà Mau đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; hầu hết các đô thị đã có quy hoạch chung và đã cơ bản phù hợp với quy hoạch phân khu. Đến nay, tỉnh Cà Mau đã có 10 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II là thành phố Cà Mau, là đô thị tỉnh lỵ và là 01 trong 04 đô thị động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có 02 đô thị loại IV là thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời và thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn; 07 đô thị loại V là các thị trấn huyện lỵ của các huyện.

²⁹ Ban hành các Quyết định Phê duyệt gia hạn tiến độ thực hiện hoàn thành hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng công trình và làm thủ tục bàn giao hệ thống HTKT các dự án: Dự án Khu đô thị mới Licogi 9.1 (giai đoạn 1) với diện tích 46,56ha; Dự án Nhà ở thu nhập thấp, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; Dự án Khu đô thị mới Tài Lộc (Khu A) với diện tích 22,93ha; Dự án Khu dân cư Thạnh Phú, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau với diện tích 11,93ha; Dự án Khu đô thị mới Bạch Đằng (Khu B) với diện tích 34,33ha; Dự án Khu nhà ở quân đội (giai đoạn 1, 2); Dự án Khu đô thị mới Hoàng Tâm ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau với diện tích 42,87ha

³⁰ Lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/10/2019, đã thu hút 27 dự án đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký 23.698,62 tỷ đồng (trong đó có 05 dự án đầu tư thuộc khu công nghiệp, với tổng số vốn 2.368,97 tỷ đồng); cùng kỳ thu hút 29 dự án đầu tư với tổng số vốn 5.094,3 tỷ đồng. Lũy kế từ khi phê duyệt dự án đến nay có 352 dự án đang hoạt động với tổng vốn 116.484,31 tỷ đồng (trong đó có 36 dự án đầu tư thuộc khu công nghiệp, với tổng số vốn 17.031,7 tỷ đồng). Với 388 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 3,057,4 tỷ đồng; giảm 10% số doanh nghiệp nhưng tăng 20% số vốn đăng ký so cùng kỳ. Lũy kế, toàn tỉnh hiện có 3.841 doanh nghiệp được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (đã trừ số doanh

Khu vực kinh tế tập thể tiếp tục phát triển³¹. Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp theo phân công của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã được quan tâm, hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường được chú trọng với nhiều phương án liên kết với doanh nghiệp để cung ứng các dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm cho xã viên³².

6. Hợp tác, liên kết vùng

Các nội dung hợp tác, liên kết với các đơn vị, địa phương được tiếp tục triển khai thực hiện³³. Đồng thời, trên cơ sở Kế hoạch liên kết phối hợp toàn vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Cà Mau đã tiếp tục phối hợp cùng với các tỉnh, thành phố trong vùng (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang) thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm.

7. Công tác quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên được quản lý, kiểm soát nhằm bảo đảm tính hiệu quả và bền vững³⁴. Các cấp chính quyền, đoàn thể, người dân đã

ngành bị thu hồi GCNĐKKD và số doanh nghiệp đã lập thủ tục giải thể) với tổng vốn đăng ký 43.852,36 tỷ đồng.

³¹ Đến cuối tháng 10/2019, toàn tỉnh hiện có 1.053 tổ hợp tác đang hoạt động, với 15.778 tổ viên; 198 hợp tác xã (đang hoạt động 180 hợp tác xã, chiếm 90,9%; ngưng hoạt động 18 hợp tác xã, chiếm 9,1%), tổng số 3.402 thành viên, với vốn điều lệ đăng ký 250.581 triệu đồng. Trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp có 132 hợp tác xã (chiếm 66,7%); lĩnh vực phi nông nghiệp có 66 hợp tác xã (chiếm 33,3%).

³² Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể cho đối tượng là cán bộ chủ chốt ở cơ sở (trong 10 tháng đầu năm, mở 06/06 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức kinh tế tập thể cho 485 học viên; mở 31 lớp tuyên truyền và 11 lớp truyền nghề về kiến thức kinh tế tập thể cho 2.152 học viên. Đồng thời, tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các hợp tác xã có sản phẩm tiêu biểu của tỉnh tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại và công nghệ do Liên minh hợp tác xã Việt Nam tổ chức. Vận động các hợp tác xã nông nghiệp tham gia theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn và gắn kết chuỗi giá trị nông sản và tư vấn, hỗ trợ thành lập mới các hợp tác xã theo kế hoạch.

³³ Chương trình hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau với Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Thỏa thuận Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Ninh Bình và tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020, Thỏa thuận Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020, Bản Ghi nhớ nội dung hợp tác giữa hai tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020; ký kết Biên bản ghi nhớ tham gia xây dựng và triển khai thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng bán đảo Cà Mau.

³⁴ Lũy kế đến cuối tháng 10 năm 2019, có 58/58 hồ sơ lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép, quyết định; phối hợp Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia và Chuyên gia Viện Khoa học Địa chất và Tài nguyên Liên bang Đức (BGR), CHLB Đức xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu (CSDL) phục vụ quản lý cấp phép khai thác nước dưới đất của tỉnh Cà Mau. Phối hợp với Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ), Đài Khí tượng và Thủy văn Cà Mau lắp đặt bộ thiết bị đo mưa, gió và đo mực nước tự động tại 09 địa điểm, nhằm tăng cường hệ thống cảnh báo sớm, theo dõi thời tiết, diễn biến mực nước ngầm trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong năm 2019. Phê duyệt Danh mục các khu vực phải

quan tâm đến bảo vệ tài nguyên, chú ý đến khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên.

- Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đang được triển khai³⁵. Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được triển khai thực hiện theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là ngăn chặn rác thải nhựa, thực hiện Phong trào quốc gia về ngăn chặn rác thải nhựa, không rác thải nhựa ven biển. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, bệnh viện, các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường³⁶.

- Tập trung các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm các tuyến sông rạch, giải quyết cơ bản tình trạng rác thải trôi nổi trên sông, nạo vét dòng sông, khơi thông dòng chảy, xử lý chất lượng nước sông tại các khu vực có mật độ dân cư cao... *(Chi tiết tại Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau).*

- Công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng tránh bão lụt, giảm nhẹ thiên tai, chống sạt lở được tăng cường và chủ động. Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu đã có những chuyển biến tích cực; nhiều dự án, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai đầu tư³⁷. Tuy nhiên, do biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp nên thiên tai đã gây thiệt hại nhiều đến tài sản của nhân dân³⁸.

thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Cà Mau và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới và tuần lễ biển và hải đảo.

³⁵ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Cà Mau đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 07/10/2019. Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện (08 huyện và thành phố Cà Mau) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đã được công bố, công khai theo quy định.

³⁶ Ước đến cuối năm 2019, 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải.

³⁷ Các dự án, công trình đang triển khai đầu tư như: Kè khẩn cấp bảo vệ khu dân cư Tân Thuận, Dự án nâng cấp đê biển Tây, Dự án bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, Công trình gây bồi tạo bãi và trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển khu vực Đất Mũi, Kè cấp bách bảo vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lưới đến Bắc cống Đá Bạc và đoạn từ Nam Đá Bạc hướng về Kênh Mới), Kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, Hệ thống đê bao ngăn triều cường, các khu tái định cư, sắp xếp dân cư ven biển...

³⁸ Từ đầu năm đến nay đã xảy ra 06 cơn bão, 04 áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, 48 ngày xảy ra lốc xoáy, 112 vụ sạt lở,... Đặc biệt vào ngày 03/8/2019, sóng lớn kết hợp với mưa kèm theo dông lốc và triều cường đã gây sạt lở đặc biệt nguy hiểm cho 2.300m và sạt lở nguy hiểm cho 5.247m tuyến đê biển Tây, những đoạn sạt lở này có thể gây vỡ đê biển Tây bất cứ lúc nào và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khoảng 26.160 hộ dân sinh sống ven biển và 90.000ha đất sản xuất nông nghiệp. Lũy kế, các vụ thiên tai đã làm 19 người chết, 04 người bị thương, 21 thuyền viên mất tích; 42 phương tiện bị chìm, làm trôi và hư hỏng lồng bè nuôi cá bớp, ảnh hưởng diện tích nuôi trồng thủy sản, lúa, hoa màu.... Tổng thiệt hại ước tính 68,9 tỷ đồng.

- Các sở, ngành tích cực xây dựng các Chỉ số quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu để lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để triển khai thực hiện từ năm 2019. Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Cà Mau đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được ban hành và triển khai thực hiện.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Khoa học và Công nghệ

- Hoạt động quản lý khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở được triển khai theo kế hoạch; đầu tư và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất có nhiều tiến bộ. Các đề tài, dự án nghiên cứu trên các lĩnh vực được ứng dụng vào thực tiễn, phát huy hiệu quả; nhiều mô hình sản xuất ngư - nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học, bền vững, hiệu quả cao được phổ biến thông qua công tác tập huấn cho nông dân. Các doanh nghiệp và người dân nhận thấy được lợi ích đầu tư trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất được nâng cao.

- Công tác sở hữu trí tuệ, tư vấn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cơ sở kinh doanh. Hoạt động thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ không ngừng được đẩy mạnh. Các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống cho nông dân được phối hợp tốt³⁹. Đồng thời, tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng⁴⁰.

2. Giáo dục và đào tạo

- Mạng lưới và quy mô giáo dục đào tạo cơ bản ổn định và từng bước được nâng cao về chất lượng⁴¹. Công tác bảo quản, sửa chữa tài sản trường học, xây dựng cơ sở vật chất và trường đạt chuẩn quốc gia được tăng cường⁴². Chất lượng,

³⁹ Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Hội nông dân, Hội phụ nữ và Tỉnh Đoàn Cà Mau tổ chức được 32 lớp tập huấn thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ với 1.843 đoàn viên tham dự. Ước đến cuối năm được 40 lớp, đạt 100% kế hoạch năm. Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp và người dân về ứng dụng công nghệ trong sản xuất như: ứng dụng năng lượng mặt trời, máy sấy nông sản, tem truy xuất nguồn gốc, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch....

⁴⁰ 10 tháng đầu năm 2019, đã tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương thuyết minh 18 đề tài, dự án; kiểm tra nội dung và kinh phí thực hiện 20 đề tài, dự án; nghiệm thu 12 đề tài, dự án (ước đến cuối năm số đề tài, dự án xét duyệt là 18, kiểm tra 34, nghiệm thu 21, đạt 107 % kế hoạch năm và tăng 40% so với năm 2018). Tư vấn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp cho 53 cơ sở; kiểm định được 24.484 phương tiện đo các loại, ước đến cuối năm kiểm định 25.984 phương tiện đo các loại, đạt 144% kế hoạch năm, tăng 1,2% so với năm 2018.

⁴¹ Hiện có 33 trường THPT và THCS - THPT (có 01 trường ngoài công lập), 01 trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật, 01 trường PTDTNT THCS Danh Thị Tươi, 01 trường PT DTNT tỉnh và 01 Trung tâm GDTX tỉnh; 134 trường Mầm non - Mẫu giáo, 244 trường Tiểu học, 122 trường THCS; có 101 Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; 03 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp; 02 phân hiệu, chi nhánh trường Đại học và 01 Văn phòng đại diện trường Đại học đóng trên địa bàn tỉnh; 36 Trung tâm, cơ sở bồi dưỡng văn hóa, 32 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học và 08 Trung tâm Bồi dưỡng kỹ năng sống.

⁴² Tính đến tháng 10/2019, toàn tỉnh có 285/535 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 53,3%,

hiệu quả giáo dục và đào tạo tiếp tục chuyên biến tích cực ở tất cả các bậc học, cấp học. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo bổ sung, đào tạo lại, bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn về trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ⁴³.

- Tập trung xóa các điểm trường lẻ, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương, đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng giáo dục⁴⁴. Công tác sắp xếp, luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên trên địa bàn tỉnh tiếp tục được rà soát thực hiện; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên để khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên trong địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện tổ công tác bồi dưỡng thường xuyên đối với cán bộ quản lý, giáo viên trong tỉnh.

- Tổ chức kỳ thi tuyển viên chức ngành giáo dục đúng trình tự và thời gian quy định; đảm bảo phù hợp với nhu cầu, vị trí việc làm, trình độ chuyên môn và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Kết quả đã tuyển dụng được 1.409 viên chức (kế hoạch 1.567 người); còn 158 chỉ tiêu chưa tuyển dụng đủ theo kế hoạch đề ra là do: Một số vị trí không có người đăng ký dự thi; có những vị trí chỉ có một người dự thi nhưng không trúng tuyển; có vị trí có một người đăng ký dự thi và trúng tuyển nhưng không đến ký hợp đồng làm việc.

- Các đơn vị, trường học đã tổ chức thực hiện kế hoạch năm học 2019 - 2020 đúng quy định, việc dạy và học đã ổn định, đi vào nề nếp. Đảm bảo thực hiện đúng quy định, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên. Đổi mới hoạt động dạy học, thi, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục toàn ngành tiếp tục được đẩy mạnh. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục - đào tạo, hoạt động khuyến học và phong trào toàn dân học tập phát triển.

3. Y tế

- Chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, khám chữa bệnh từng bước được nâng lên. Công tác y tế dự phòng được tăng cường thực hiện, đạt nhiều kết quả tích cực. Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh được triển khai rộng rãi; công tác giám sát dịch, phát hiện sớm, xử lý triệt để, kịp thời các ổ dịch nhỏ, không để dịch lớn xảy ra.

- Công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên môn sâu được quan tâm, về cơ bản đã đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân⁴⁵. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng thiếu cán

vượt chỉ tiêu kế hoạch năm (281/535).

⁴³ Đến nay, toàn tỉnh có 100% cán bộ quản lý giáo dục và 99,84% giáo viên mầm non, phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên.

⁴⁴ Đến cuối năm 2019, xóa được 199 điểm trường nhỏ, lẻ không còn phù hợp (trong đó, mầm non: 53 điểm, tiểu học: 139 điểm, THCS: 07 điểm).

⁴⁵ Hiện nay ngành Y tế duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản phụ vụ; 93,3% số khám, cấp có tổ y tế hoạt động; 100% số khám, cấp có cán bộ y tế hoạt động và 100% trạm y tế đạt chuẩn Tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ bác sĩ, dược sĩ /vạn dân dự kiến cuối năm 2019 đạt 13 bác sĩ (kế hoạch

bộ y tế có chuyên môn cao tại các cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện, tuyến xã; gây áp lực cho các bệnh viện tuyến tỉnh. Bên cạnh đó, do áp lực công việc, sự chênh lệch thu nhập quá cao so với cơ sở y tế tư nhân, môi trường làm việc còn hạn chế về điều kiện để bác sĩ phát huy năng lực (Trang thiết bị chưa đáp ứng nhu cầu phát huy tay nghề, thiếu chế độ ưu đãi)... một số bác sĩ, dược sĩ nghỉ việc, bỏ việc qua làm các cơ sở y tế tư nhân⁴⁶.

- Mạng lưới và cơ sở vật chất y tế tiếp tục phát triển, nhiều công trình bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đã được đầu tư xây dựng⁴⁷. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đến cuối năm 2019 đạt 90% (Kế hoạch năm 2019 đạt 89%).

4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Các hoạt động văn hóa thông tin và thể thao được tăng cường, tạo chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội. Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã triển khai rộng khắp⁴⁸. Hoạt động thể dục thể thao phát triển khá, đạt nhiều thành tích nổi bật: Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tỷ lệ người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng; thường xuyên tổ chức các giải thể thao phong trào⁴⁹; thể thao thành tích cao tiếp tục phát triển, đạt nhiều huy chương tại các giải đấu trong nước và quốc tế⁵⁰. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư⁵¹.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch được đẩy mạnh⁵². Kết cấu hạ tầng

năm 2019 đạt 12,8 bác sĩ; năm 2018 đạt 12,6 bác sĩ).

⁴⁶ Tính từ ngày 01/01/2019 - 31/10/2019, tổng số nghỉ việc, bỏ việc là 56 người (bác sĩ: 53; dược sĩ: 3); trong đó: Giải quyết cho nghỉ theo đơn 22 người; tự ý bỏ việc hoặc buộc thôi việc (do bỏ việc) 34 người.

⁴⁷ Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế 101/101 đơn vị, đạt 100%. Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã và y tế ngoài công lập) ước cuối năm 2019 đạt 28,2 giường, cao hơn với kế hoạch và năm 2018. Đang triển khai đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền, bệnh viện Lao và bệnh phổi, Trung tâm y tế huyện Ngọc Hiển.

⁴⁸ Ước đến cuối năm 2019, tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa đạt 83%, đạt kế hoạch.

⁴⁹ Ước đến cuối năm 2019, tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 32%, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 27% (cùng kỳ lần lượt đạt 31,5% và 26,5%). Tổ chức thành công Hội thao kỷ niệm ngày truyền thống Ngành thể dục thể thao Việt Nam 27/3; Giải Bóng đá giao hữu Báo chí tranh Cúp Tứ Hùng; các huyện, thành phố Cà Mau đồng loạt tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019; hỗ trợ tổ chức Giải Quần vợt Ngành trang trí nội thất Miền trung – Nam bộ và Tây Nguyên lần thứ XII năm 2019 tại Cà Mau; Hội thao chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm...

⁵⁰ Đã cử vận động viên tham gia thi đấu 35 giải, đạt 100 huy chương các loại; trong đó 11 giải quốc tế với 26 huy chương (5 huy chương vàng, 12 huy chương bạc, 9 huy chương đồng); 24 giải quốc gia với 74 huy chương (19 huy chương vàng, 20 huy chương bạc, 35 huy chương đồng).

⁵¹ Ước đến cuối năm 2019, tỷ lệ xã có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt 60% (bằng kế hoạch), tỷ lệ huyện, thành phố có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt 88,9% (kế hoạch 89%).

⁵² Chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quảng bá và tích cực tham gia các sự kiện về du lịch do các tỉnh, thành phố tổ chức; Tham gia Hội chợ du lịch quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh và Hội chợ VTIM Cần Thơ; Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác phát triển du lịch với tỉnh Trat (Thái Lan) và tỉnh Khăm Muộn (Lào) theo bản ghi nhớ hợp tác; Thực

du lịch được nâng cấp, xây dựng mới. Du lịch cộng đồng tiếp tục duy trì và phát triển; sản phẩm và dịch vụ du lịch được cải thiện về chất lượng. Lượng khách và doanh thu du lịch tăng so cùng kỳ⁵³.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích gắn với phát triển du lịch có nhiều chuyển biến tích cực, các di tích tiếp tục được đầu tư, tu bổ, phục dựng, đảm bảo cảnh quan môi trường thu hút khách tham quan; các hoạt động tuyên truyền giáo dục truyền thống được tổ chức đạt kết quả tốt, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia⁵⁴.

5. Lao động, Thương binh và Xã hội

- Tích cực đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội vào các hoạt động giảm nghèo, nhất là đối với vùng có điều kiện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đạt kết quả tích cực. Ước cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,32% (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội) (năm 2019 giảm 1,72%) và tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn 2% (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội)⁵⁵.

- Tạo điều kiện thuận lợi để lao động được tiếp cận tư vấn, giới thiệu lao động tìm việc làm trong và ngoài tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách pháp luật về lao động, việc làm với những giải pháp đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Ước năm 2019, giải quyết việc làm cho 38.700 lao động⁵⁶, vượt 0,5% kế hoạch. Đề án đưa người lao động Cà Mau đi làm việc nước ngoài giai đoạn 2018 - 2020 tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện, số lao động xuất khẩu tăng so cùng kỳ⁵⁷.

- Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chăm lo người có công, người nghèo, bảo trợ xã hội⁵⁸. Đã và đang tập trung triển khai hỗ trợ nhà ở

hiện tốt và phát huy chương trình ký kết hợp tác với một số tỉnh trong Cụm liên kết phía Tây đồng bằng sông Cửu Long

⁵³ Ước cả năm 2019 đón tổng cộng 1.673.000 lượt khách du lịch, tăng 0,8% kế hoạch (trong đó có 28.800 lượt khách quốc tế), doanh thu ước đạt 2.495 tỷ đồng, tăng 3,1% kế hoạch; so cùng kỳ, số khách du lịch tăng 16,2%, doanh thu tăng 13,4%.

⁵⁴ Đã tổ chức 12 cuộc ngoại khóa, về nguồn tại các điểm di tích, thu hút hơn 1.560 lượt cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên tham gia. Bên cạnh đó, đã tổ chức 11 cuộc trưng bày với nhiều chủ đề: Mừng Đảng, mừng xuân; Di sản biển đảo tỉnh Cà Mau; Đón ca tài tử Nam bộ kết nối phát triển du lịch tỉnh Cà Mau; Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý, Bác Hồ với thiếu nhi... thu hút hơn 49.000 lượt khách tham quan.

⁵⁵ Tính chung toàn tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,52% (giảm 1,52%, tương ứng giảm 4.329 hộ), với tổng số hộ nghèo 7.699 hộ; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn 2,06% (tương đương giảm còn 6.295 hộ).

⁵⁶ Ước đến cuối năm 2019, lao động ngoài tỉnh 22.450 người, lao động trong tỉnh 16.000 người.

⁵⁷ Ước cuối năm 2019, lao động đưa đi ngoài nước 250 người, tăng 4,2 lần so với năm 2018.

⁵⁸ Đến ngày 30/10/2019, đã vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa được 12,5 tỷ đồng. Thực hiện chi các khoản trợ cấp cho người có công trên 314.548 triệu đồng đạt 70% kế hoạch kinh phí năm 2019 (tổng số người có công hệ dân chánh hiện nay là 108.541 người). Ban hành Quyết định về việc điều dưỡng tại gia

đối với người có công với cách mạng và hộ nghèo theo Quyết định số 22 và 33 của Thủ tướng Chính phủ⁵⁹.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em được triển khai đồng bộ⁶⁰; các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật trẻ em, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho người làm công tác trẻ em các cấp và cộng tác viên ở ấp, khóm được đẩy mạnh nhằm tạo sự lan tỏa đến cộng đồng người dân⁶¹; các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em được diễn ra rộng rãi, hiệu quả⁶². Nhân Tháng hành động vì trẻ em và Tết Trung thu, tỉnh đã thành lập đoàn đến thăm và hỗ trợ các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em nằm viện tại Bệnh viện và hỗ trợ các em ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số với tổng số tiền trên 500 triệu đồng. Tổ chức Gặp mặt, đối thoại với trẻ em với chủ đề “Trẻ em với các vấn đề về trẻ em”, có 135 em học sinh đến từ các huyện, thành phố Cà Mau, các cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh và 30 cán bộ phụ trách trẻ em tham dự; cuộc gặp mặt, đối thoại đã tạo điều kiện cho trẻ em được chia sẻ sự hiểu biết và bày tỏ quan điểm, nguyện vọng, được tham gia đề xuất các ý kiến nhằm tạo cơ hội giúp trẻ em giao lưu, chia sẻ những kinh nghiệm trong học tập, cũng như trong cuộc sống để rèn luyện bản thân. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp mạng lưới cộng tác viên ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau (toàn tỉnh có 949 cộng tác viên bảo vệ chăm

đình đối với người có công và thân nhân năm 2019 cho tổng số 8.238 người với tổng mức kinh phí trên 9.144 triệu đồng. Đồng thời tổ chức đưa 135 người có công đi tham quan nghỉ dưỡng tại Thủ đô Hà Nội (Đợt 1, 2, 3) và 95 người có công đi nghỉ dưỡng tại TP.Đà Lạt năm 2019 (Đợt 1). Tổ chức tập huấn nghiệp vụ Bảo vệ chăm sóc trẻ em, an sinh xã hội, giảm nghèo và Bình đẳng giới tại 09 huyện, thành phố với 2.100 người tham dự.

⁵⁹ Tính đến ngày 30/8/2019, hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg (kế hoạch 5.308 hộ): Đã hoàn thành 4.365 hộ, 83 hộ đang triển khai, còn 723 hộ đang rà soát; đến tháng 9/2019 xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg được 101/578 hộ, còn lại đang triển khai xây dựng và một số hộ không nhận hỗ trợ trong năm 2019.

⁶⁰ Trẻ em toàn tỉnh, từ 0 đến 16 tuổi có 265.434 em (gồm 136.732 nam, 128.702 nữ). Số trẻ em đang học mầm non, mẫu giáo 85.818 em; cấp Tiểu học 112.113 em; cấp Trung học cơ sở 67.531 em; cấp học Phổ thông 30.917 em; số lượng trẻ em có cha, mẹ ly hôn 1.636 em; số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 3.420 em; trên địa bàn tỉnh Cà Mau không có trẻ em bỏ nhà đi lang thang. Trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn được cấp thẻ bảo hiểm y tế trên 98%. Công tác vận động quỹ bảo trợ trẻ em được cán bộ, nhân dân đồng tình ủng hộ, các tổ chức cá nhân đóng góp hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt luôn được quan tâm vào tạo điều kiện cho các em có cuộc sống được ổn định. Trong năm, vận động hỗ trợ cho 1.195 trẻ em, với tổng số tiền 2,446 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch (Kế hoạch 2,26 tỷ đồng).

⁶¹ Truyền thông giáo dục học sinh về tình hình bạo lực học đường, ma túy, hút keo, hút shisha, xâm hại tình dục, đặc biệt là đuối nước cho các em để phòng, ngừa và tự vệ bản thân thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp và các môn thể dục, thể thao... Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ hội viên, tuyên truyền viên tại các địa phương có mô hình nhà tạm lánh: xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước; xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi; xã Tân Lộc, huyện Thới Bình và tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ trẻ em. Ngoài ra, UBND các xã, phường, thị trấn có Kế hoạch hỗ trợ can thiệp kịp thời đối với nhóm trẻ em bị bỏ rơi, bị xâm hại, bị bạo lực và trẻ em nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

⁶² Nhiều hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em như: Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết Trung thu được diễn ra sôi nổi; tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho các em có hoàn cảnh khó khăn tại các cơ sở bảo trợ xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã có đồng bào dân tộc thiểu số.

sóc trẻ em tại 949 ấp, khóm); đồng thời, xây dựng và nhân rộng các chương trình bảo vệ quyền lợi trẻ em như: Ngôi nhà an toàn, cộng đồng an toàn, phòng chống thương tích cho trẻ em, ngăn chặn bạo lực học đường...

6. Thông tin và Truyền thông

- Hoạt động thông tin truyền thông được tổ chức tốt. Các cơ quan thông tin đại chúng đã hoạt động tích cực, bám sát các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, thực hiện tốt các nội dung định hướng tuyên truyền, góp phần tạo sự thống nhất về tư tưởng chính trị trong Đảng và Nhân dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số kênh không chính thức đăng tải những thông tin một chiều, sai lệch, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của tỉnh.

- Hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông, internet tiếp tục hoạt động ổn định, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet cạnh tranh lành mạnh, cùng nhau thúc đẩy thị trường viễn thông và internet của tỉnh phát triển⁶³.

- Thực hiện có hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý chuyên ngành; tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, liên thông, tiết kiệm thời gian, chi phí cho hoạt động của cơ quan, đơn vị, đặc biệt là nâng cao hiệu quả công việc, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

III. QUỐC PHÒNG, AN NINH, NỘI CHÍNH

1. Quốc phòng, an ninh

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh ổn định. Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục phát triển sâu rộng. Hoạt động phối hợp giữa 3 lực lượng (Công an - Quân sự - Biên phòng) từ tỉnh đến cơ sở được thực hiện đúng theo kế hoạch⁶⁴.

- Công tác sẵn sàng chiến đấu được thực hiện khá tốt theo kế hoạch. Đã triển khai kế hoạch huấn luyện chiến dịch, huấn luyện chiến đấu, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, công tác sẵn sàng trực chiến bảo vệ các ngày lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương.

⁶³ Trên địa bàn tỉnh có 18 doanh nghiệp bưu chính, 08 doanh nghiệp viễn thông (giảm 01 doanh nghiệp do Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam, chi nhánh Cà Mau ngừng hoạt động từ tháng 3/2019) đang hoạt động. Toàn tỉnh hiện có 1.507.428 thuê bao điện thoại hoạt động trên mạng, giảm 3,9% so cùng kỳ, đạt mật độ 106 thuê bao/100 dân (trong đó, 24.472 thuê bao cố định, giảm 29,5% so cùng kỳ; 1.482.956 thuê bao di động, tăng 4,7% so cùng kỳ).

⁶⁴ Tính đến cuối tháng 10, đã phối hợp tổ chức 4.171 cuộc tuần tra, kiểm soát khu vực đóng quân, các mục tiêu quan trọng, có 11.354 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, giáo dục quốc phòng và diễn tập, xây dựng lực lượng,... tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch⁶⁵. Công tác tổ chức tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu được giao (với tổng số 900 tân binh); đồng thời thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự năm 2019⁶⁶.

- Đã triển khai thực hành Diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện (tại thành phố Cà Mau và huyện Trần Văn Thời), cấp xã (tại Phường 6, thành phố Cà Mau và thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời); kết quả đạt 100% mục đích, yêu cầu đề ra.

- Tình hình an ninh chính trị trên khu vực biên giới ổn định, chưa phát hiện các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Tuy nhiên, tình trạng tàu thuyền ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài⁽⁶⁷⁾, trật tự an toàn xã hội trên biển và khu vực biên giới biển còn diễn biến phức tạp⁽⁶⁸⁾.

2. Trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông

- Trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững ổn định, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai thực hiện nghiêm túc. Đã mở các cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đấu tranh triệt xóa tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh; các vụ trọng án được điều tra, khám phá nhanh; các biện pháp phòng ngừa tội phạm được thực hiện có hiệu quả; tình hình tội phạm, vi phạm về trật tự xã hội được kiểm soát, kiểm chế, giám so cùng kỳ; tệ nạn xã hội được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm⁶⁹.

- Đã mở cao điểm tổng kiểm tra, vận động thu hồi và phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; tuyên truyền, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện, khu tập trung đông dân cư, chợ, hộ gia đình. Số vụ cháy giảm so với cùng kỳ⁷⁰.

⁶⁵ Đã bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh 5.481/5.496 đồng chí, đạt tỷ lệ 99,4%; huấn luyện lực lượng dự bị động viên 4.021/4.120 đồng chí, đạt tỷ lệ 97,6%; lực lượng dân quân tự vệ 15.547/15.547 đồng chí, đạt tỷ lệ 100%.

⁶⁶ Kết quả có 227 thí sinh đủ điều kiện dự thi, 44 thí sinh trúng tuyển, đạt tỷ lệ 19,4% (chỉ tiêu 12%).

⁶⁷ Tàu cá khai thác thủy sản vi phạm chủ quyền vùng biển nước ngoài bị bắt giữ: Xảy ra 07 vụ/10 tàu cá/56 thuyền viên. (Thái Lan: 05 vụ/07 tàu cá/42 thuyền viên. Malaysia: 01 vụ/02 tàu/10 thuyền viên; Philippin 01 vụ/01 tàu/04 thuyền viên). Giảm 08 vụ, 05 tàu, 29 thuyền viên so cùng kỳ.

⁶⁸ Trật tự trên biển: xảy ra 27 vụ/21 đối tượng, làm chết 02 người, mất tích 01 người, bị thương 12 người, thiệt hại tài sản khoảng 01 tỷ đồng; tăng 08 vụ/01 đối tượng so cùng kỳ.

Trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển: xảy ra 113 vụ/ 214 đối tượng (bao gồm các hành vi giết người, hiếp dâm, tàng trữ trái phép chất ma túy, cướp tài sản, vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, cố ý gây thương tích, đánh bạc...). Tăng 22 vụ, giảm 16 đối tượng so cùng kỳ.

⁶⁹ Từ đầu năm đến nay, tội phạm được phát hiện, khởi tố 662 vụ, 888 bị can; giảm 29 vụ, tăng 12 bị can so cùng kỳ. Tội phạm về trật tự xã hội, đã phát hiện, khởi tố 505 vụ, 700 bị can; giảm 57 vụ, 11 bị can so cùng kỳ. Tệ nạn xã hội phát hiện, xử phạt 767 vụ, 4.615 đối tượng, số tiền 9,63 tỷ đồng; ít hơn 201 vụ, 1.391 đối tượng so cùng kỳ.

⁷⁰ Từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 23 vụ cháy, thiệt hại khoảng 2,82 tỷ đồng; giảm 19 vụ, chết giảm 04 người, bị thương giảm 02 người, thiệt hại tài sản giảm 20,95 tỷ đồng so cùng kỳ.

- Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được chỉ đạo triển khai, thực hiện quyết liệt; đã mở nhiều đợt ra quân tuần tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông vào thời gian cao điểm, các dịp lễ, tết; gắn với thực hiện các chuyên đề: Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự - trật tự an toàn giao thông trên các tuyến, địa bàn trọng điểm vào ban đêm; xử lý xe ô tô chở hàng hóa quá khổ, quá tải; lái xe sử dụng ma túy, rượu, bia, điều khiển phương tiện lạng lách, đánh võng; kiểm tra, xử lý vi phạm hành lang giao thông đường bộ; luồng, tuyến giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí⁷¹.

3. Công tác thanh tra, tiếp dân, tư pháp

- Các cuộc thanh tra được chủ động triển khai theo đúng kế hoạch, nội dung, yêu cầu và định hướng; kết quả phát hiện và kiến nghị xử lý kịp thời, đúng chính sách pháp luật. Công tác phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh; việc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan được chú trọng thực hiện. Đã triển khai thực hiện Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019⁷². Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được chú trọng thực hiện⁷³.

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, tình hình khiếu kiện đông người được kiểm soát, hạn chế phát sinh điểm nóng. Quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ bản đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo về thời hạn, thời hiệu, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch; việc đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại được chú trọng; công tác tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, các văn bản xử lý tố cáo được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc. Thực hiện tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn công dân chấp hành và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật và đạt nhiều kết quả tích cực.

- Công tác tư pháp chuyển biến tích cực, các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện bám sát chương trình công tác đề ra⁷⁴. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả; đã ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện⁷⁵.

⁷¹ Từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 88 vụ tai nạn và va chạm giao thông (đường bộ, đường thủy), chết 19 người, bị thương 99 người; giảm 41 vụ, 07 người chết, 83 người bị thương so cùng kỳ.

⁷² Từ đầu năm đến nay, đã tiến hành 55 đoàn thanh tra hành chính và các đoàn thanh tra, kiểm tra nội bộ... Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 01 vụ có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ theo quy định.

⁷³ Các sở, ngành đã tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 3.585 cuộc với 7.686 tổ chức, cá nhân, phương tiện giao thông; phát hiện 1.851 trường hợp sai phạm, ban hành 1.171 quyết định xử phạt với số tiền xử phạt trên 4,5 tỷ đồng (đã nộp ngân sách 04 tỷ đồng), kiến nghị thu hồi 2,9 tỷ đồng (đã thu 1,9 tỷ đồng).

⁷⁴ Tổ chức hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2019; ban hành quyết định 212/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 phê duyệt chương trình công tác tư pháp năm 2019 trên địa bàn tỉnh; ban hành kế hoạch thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

⁷⁵ Điển hình như: Kế hoạch về phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; triển khai thực hiện đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong

4. Công tác cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020⁷⁶, đặc biệt là việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cho nhà đầu tư và doanh nghiệp. Theo đó, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2018 tăng 2 bậc so với năm 2017 (năm 2017 xếp hạng 51, năm 2018 xếp hạng 49)⁷⁷.

- Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật được đẩy mạnh thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của địa phương.

- Công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được các đơn vị tiếp tục thực hiện⁷⁸. Qua đó, một số đơn vị đã thực hiện tốt việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết⁷⁹; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từng bước được nâng lên, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các đơn vị đạt cao, đối với các hồ sơ giải quyết trễ hạn, các đơn vị đã thực hiện xin lỗi tổ chức, cá nhân. Tiến hành lựa chọn những thủ tục hành chính có số lượng giao dịch lớn để thực hiện hướng dẫn thông qua bộ hồ sơ mẫu và video hướng dẫn tại Bộ phận một cửa⁸⁰. Đặc biệt, sự hoạt động hiệu quả của Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Bộ phận một cửa hiện đại của một số đơn vị cấp huyện đã góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh⁸¹.

5. Công tác nội vụ

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chuẩn hóa về trình độ chuyên

công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 – 2021”; triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 – 2022.

⁷⁶ Một số văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh: Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 24/7/2019 về cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 14/8/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 và làm cơ sở triển khai thực hiện cho những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 20/8/2019 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

⁷⁷ Ngày 14/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND về cải thiện và nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) với mục tiêu tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính năng động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

⁷⁸ Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã sửa đổi, bổ sung 293 thủ tục hành chính; hủy bỏ, bãi bỏ 169 thủ tục hành chính. Đối với các thủ tục mới ban hành, đều được cắt giảm ít nhất 10% thời gian giải quyết so với quy định.

⁷⁹ Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã có 04 đơn vị thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10% đến 66% với 152 thủ tục (gồm; Sở Giao thông vận tải 97 thủ tục; Ngọc Hiển 08 thủ tục; U Minh 37 thủ tục; Đầm Dơi 10 thủ tục).

⁸⁰ Kết quả có 203 thủ tục hành chính được lựa chọn thực hiện (cấp tỉnh 49 thủ tục, cấp huyện 154 thủ tục).

⁸¹ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ tại Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đạt 99,59%; Bộ phận một cửa hiện đại của một số đơn vị cấp huyện đạt trên 88%.

môn, nghiệp vụ, lý luận, kỹ năng làm việc⁸²; việc sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đảm bảo đúng theo vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

- Công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy được triển khai tích cực⁸³. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng theo quy định; tinh giản biên chế tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch⁸⁴. Các mặt công tác kiểm tra, thanh tra về công tác Nội vụ, xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính; đào tạo, bồi dưỡng; thi đua - khen thưởng;... được thực hiện kịp thời⁸⁵.

6. Công tác ngoại vụ

Chi đạo triển khai hiệu quả chương trình hoạt động đối ngoại đã đề ra, góp phần quan trọng trong hợp tác đầu tư phát triển. Công tác quản lý các đoàn ra, đoàn vào và các hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài đến hoạt động trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định⁸⁶. Tiếp tục tăng cường hợp tác và thường xuyên duy trì việc trao đổi đoàn cán bộ cấp tỉnh sang thăm, làm việc với

⁸² Công chức cấp huyện trở lên đạt 98,7%; cán bộ cấp xã đạt 98,8%; công chức cấp xã đạt 99,91%.

⁸³ Phê duyệt Đề án sắp xếp phòng chuyên môn 14/19 cơ quan, đơn vị; tổ chức lại, sáp nhập, giải thể, chuyển cấp quản lý 20 đơn vị và thành lập 02 đơn vị; phê duyệt 06 Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị; phê duyệt 28 đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm 28 phòng, ban, chi cục và tương đương; giảm 21 chức danh trưởng phòng, 23 phó trưởng phòng và giảm 17 biên chế sau khi sắp xếp.

⁸⁴ Tỉnh đã tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện nội dung tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, Quyết định 2218/QĐ-TTg, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Chỉ thị số 02/CT-TTg đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; Thực hiện tinh giản biên chế năm 2019 được 540/451 người, đạt 119,7% theo kế hoạch; nâng tổng số tinh giản biên chế từ năm 2015 đến nay được 1.262/1.691 người; đồng thời, tiếp tục tổng hợp hồ sơ tinh giản biên chế đợt I/2020.

⁸⁵ Về địa giới hành chính: ký xác nhận bản đồ địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh giáp ranh với tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Kiên Giang; tổ chức hiệp thương với Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thống nhất thực trạng quản lý nhà nước về đường địa giới hành chính giữa xã Tân Thành, thành phố Cà Mau và xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai.

Về thanh tra, kiểm tra công tác Nội vụ: Năm 2019, tổ chức thanh tra, kiểm tra tại 10 cơ quan, đơn vị, nâng tổng số từ năm 2017 đến nay đã thanh tra, kiểm tra 40/40 cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

Về đào tạo, bồi dưỡng: cử công chức đi học sau đại học 45 trường hợp; cử 167 cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng (bồi dưỡng nước ngoài 04 chương trình, với 88 lượt người tham gia; cử 05 nữ lãnh đạo cấp tỉnh bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý; 67 cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; 07 cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng do Học viện Ngoại giao tổ chức); bồi hoàn chi phí đào tạo ứng viên đề án Mekong 120 Cà Mau 03 trường hợp (Sở Ngoại vụ: 02 trường hợp; Sở Khoa học - Công nghệ: 01 trường hợp). Về thi đua - khen thưởng: trình Trung ương phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" cho 40 bà mẹ (01 phong tặng và 39 truy tặng); tặng thưởng Huân chương Lao động cho 06 cá nhân lãnh đạo có quá trình cống hiến,... Về công tác văn thư - lưu trữ: ban hành Kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ năm 2019; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án xây dựng phần mềm số hóa tài liệu lưu trữ của sở, ban, ngành tỉnh,...

⁸⁶ Công tác đoàn ra: trong 10 tháng, quyết định cho 390 lượt người, với 319 lượt cán bộ, công chức, viên chức và 71 lượt doanh nhân đi nước ngoài (so cùng kỳ giảm 20 lượt người); trong đó đã cử 17 đoàn với 256 lượt người (gồm 185 lượt cán bộ, công chức, viên chức và 71 lượt doanh nhân đi nước ngoài) đi công tác, hợp tác hữu nghị, tham gia hội chợ, tìm hiểu thị trường, học tập kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác và tham quan, du lịch tại nước ngoài. Công tác đoàn vào: cho phép 110 đoàn vào, với 551 lượt người, trong đó có 384 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc, nghiên cứu khoa học, khảo sát thực địa và thực hiện dự án tại tỉnh Cà Mau (tăng 04 đoàn/101 thành viên/75 người nước ngoài so cùng kỳ).

các địa phương của các quốc gia trong khu vực⁸⁷. Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế được thực hiện chặt chẽ; đa số các cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế đều được các cơ quan, đơn vị tổ chức theo quy định⁸⁸. Công tác lãnh sự, bảo hộ công dân được thực hiện đúng quy định⁸⁹.

7. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo có bước chuyển biến tích cực; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng về công tác tôn giáo được chú trọng; chất lượng, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo các cấp được nâng lên; tổ chức bộ máy cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả hơn⁹⁰. Tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các Dân tộc thiểu số tỉnh Cà Mau lần thứ 3 năm 2019.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được quan tâm thực hiện; tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, những phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số; nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ cho vùng dân tộc thiểu số và hộ đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả thiết thực; tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn giữ vững ổn định; đồng bào dân tộc đoàn kết, hăng hái lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình và tích cực tham gia nhiều phong trào do địa phương phát động⁹¹.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Nhìn chung, với kết quả đạt được 10 tháng và ước cả năm 2019, kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau tiếp tục phát triển và tăng trưởng khá (GRDP tăng 07%)⁹². Trong

⁸⁷ Từ đầu năm đến nay, thực hiện ký kết 02 bản thỏa thuận quốc tế cấp tỉnh và cấp sở, ngành (Ký kết bản ghi nhớ hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban chính quyền tỉnh Jeollabuk, Hàn Quốc; ký kết bản ghi nhớ giữa trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau với trường Cao đẳng nghề Kunjang, Hàn Quốc).

⁸⁸ Đã cho phép tổ chức 29 cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế với tổng số 3.349 lượt đại biểu (trong đó có 46 lượt đại biểu mang quốc tịch nước ngoài).

⁸⁹ Đã phối hợp với Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao xác minh về các vụ việc tàu cá Cà Mau bị đâm chìm trên biển. Xác minh và hỗ trợ đưa 01 công dân tỉnh Cà Mau từ Campuchia về nước; 02 trường hợp công dân tỉnh Cà Mau chết tại Trung Quốc và Singapore; 06 trường hợp công dân tỉnh Cà Mau bị bắt gả bán, mất liên lạc ở Trung Quốc. Xác minh thông tin 20 ngư dân bị Malaysia bắt giữ; 02 ngư dân bị Thái Lan bắt giữ để tiến hành công tác bảo hộ và đưa ngư dân về nước.

⁹⁰ Tỉnh Cà Mau hiện có 06 tôn giáo được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức và đang hoạt động, gồm: Phật giáo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo và Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam; hiện có 159 tổ chức tôn giáo trực thuộc (trong đó 137 cơ sở các tôn giáo), với khoảng 373.327 tín đồ; có 1.198 chức sắc và 1.928 chức việc.

⁹¹ Trên địa bàn tỉnh hiện có 14 dân tộc sinh sống; trong đó có 13 dân tộc thiểu số với 11.448 hộ với trên 53.272 người (đông nhất là dân tộc Khmer với 9671 hộ, khoảng 44.989 người). Năm 2019: ước hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm khoảng 4-5%, hộ cận nghèo giảm 2-3%.

⁹² Có 14/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch đề ra; riêng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 ước 1.100 tỷ USD, không đạt so với kế hoạch (1.200 triệu USD).

đó, một số chỉ tiêu đạt kết quả nổi bật như: Thu ngân sách nhà nước ước đạt 5.130 tỷ đồng (vượt 12,3% kế hoạch), tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 13.810 tỷ đồng (vượt 3,1% kế hoạch), tỷ lệ hộ nghèo (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội) giảm 1,72% (kế hoạch giảm 1,3%)... Trật tự xã hội ổn định, số vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, đường thủy giảm so cùng kỳ.

2. Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định như: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; kim ngạch xuất khẩu giảm do các doanh nghiệp chủ lực xuất khẩu gặp khó khăn; Dịch tả heo châu Phi xuất hiện trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tốc độ đô thị hóa còn chậm; sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp còn nhỏ lẻ, chưa hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn; sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng thấp; chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn để khai thác các tiềm năng của tỉnh, nhất là du lịch, cảng biển; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm, chất lượng một số công trình, dự án chưa đạt yêu cầu; tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, triều cường gây ra tình trạng sạt lở bờ biển, bờ sông ngày càng phức tạp, gây thiệt hại lớn và tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn diễn ra ở một số nơi làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân; chất lượng khám, chữa bệnh ở một số cơ sở y tế còn thấp; công tác giảm nghèo chưa bền vững, tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo cao; giải quyết việc làm chủ yếu ngoài tỉnh; tình trạng khan hiếm lao động nông thôn xu hướng tăng...

3. Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém nêu trên, một phần do nguyên nhân khách quan như:

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, chưa đồng bộ, tính kết nối thấp đã làm hạn chế việc khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh cũng như khả năng thu hút đầu tư; chưa xuất hiện các yếu tố tích cực mới mang tính đột phá; tác động của biến đổi khí hậu đang diễn ra với tần suất ngày càng cao, càng rõ nét, đã trực tiếp ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân cũng như cản trở mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh,...

- Một số văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, ngành ban hành còn thiếu đồng bộ, thường xuyên thay đổi, trong khi có những nội dung cần sớm sửa đổi lại chậm được thực hiện; nhiều văn bản có nội dung còn chưa nhất quán, mâu thuẫn, chồng chéo gây khó khăn, lúng túng cho ngành, địa phương khi triển khai thực hiện.

- Việc ban hành hướng dẫn về các biện pháp, giải pháp, trình tự, thủ tục thực hiện một số chủ trương, chính sách của các cơ quan Trung ương còn chưa cụ thể, kịp thời; một số nội dung không phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nên khó áp dụng và tính khả thi không cao.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những nguyên nhân chủ quan, chậm được khắc phục như:

- Công tác lãnh đạo, điều hành của một số cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi chưa quyết liệt, còn thụ động, trông chờ, đùn đẩy trách nhiệm; quản lý địa bàn và tổ chức thực thi chức trách, nhiệm vụ được giao ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện từng lúc chưa thường xuyên.

- Việc xác định một số chỉ tiêu thiếu tính khả thi, chưa đủ nguồn lực để thực hiện; một số chương trình, dự án quan trọng xây dựng, triển khai chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ được giao; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm, thậm chí có trường hợp sai phạm bị xử lý kỷ luật; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Năm 2020, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm 2016 - 2020; vì vậy, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 được xây dựng trên cơ sở bám sát mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV và kết quả các chỉ tiêu đã đạt được trong giai đoạn 2016 - 2019 với mức phấn đấu cao nhất. Theo đó, mục tiêu, các chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của kế hoạch năm 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung phát triển những ngành sản xuất và dịch vụ có tiềm năng lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Tăng cường hợp tác, liên kết vùng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, triển khai thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội. Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu; chủ động phòng, chống thiên tai; bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

(1) Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh, tăng 07%.

GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 50,8 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 14.800 tỷ đồng.

(3) Kim ngạch xuất khẩu 1.200 triệu USD.

(4) Thu ngân sách: 5.695 tỷ đồng.

(5) Chi ngân sách: 11.419,3 tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ hộ nghèo (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội) giảm 0,5%; tỷ lệ hộ cận nghèo (không bao gồm hộ cận nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội) giảm 0,3%.

(7) Giải quyết việc làm cho 39.000 lao động.

(8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể truyền nghề): 50%.

(9) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 11%.

(10) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

(11) Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán: 26%.

(12) Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2020

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế theo hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh

a) Đối với nông nghiệp:

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững, hiệu quả, nhất là phát triển nền nông nghiệp xanh thông qua việc bố trí lại sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp theo hướng quy hoạch các vùng sinh thái, hữu cơ nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn, giá trị cao. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu các ngành hàng chủ lực của tỉnh theo hướng tập trung chủ yếu vào 04 nội dung: Hợp tác - Liên kết - Thương hiệu - Thị trường.

- Tăng cường công tác quản lý việc phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, tôm thâm canh theo quy hoạch, tránh phát triển tự phát, gây khó khăn cho quản lý dịch bệnh; đẩy mạnh phát triển nuôi tôm quảng canh cải tiến. Quản lý chặt chẽ vùng sản xuất chuyên lúa, không để tự phát đưa nước mặn vào vùng ngọt nuôi tôm.

- Tổ chức lại sản xuất khai thác thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả và thu nhập của ngư dân. Tiếp tục thực hiện các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về tác hại của khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản; chấm dứt tình trạng tàu cá, ngư dân tỉnh Cà Mau khai thác hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phổ biến áp dụng các quy trình sản xuất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên và tăng thu nhập cho người dân.

- Nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả; nhận chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến và dịch vụ của ngành nhằm tạo đột phá về năng suất, giá trị, chất lượng cây trồng, vật nuôi, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng; tăng cường khôi phục rừng phòng hộ ven biển để bảo vệ môi trường

sinh thái, chống sạt lở; ngăn chặn nạn phá rừng; thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy rừng; khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân tham gia trồng, bảo vệ, khai thác rừng một cách hợp lý, hiệu quả và bền vững; tăng tỷ lệ rừng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ; phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

- Tập trung đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng ở tất cả các xã xây dựng nông thôn mới, có chia bước đi thích hợp ở từng tiêu chí để xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện của mỗi xã, điều kiện nguồn lực của ngân sách nhà nước và khả năng của người dân. Phấn đấu đạt chỉ tiêu về số xã đạt chuẩn và tiêu chí bình quân/xã theo kế hoạch đề ra.

b) Đối với công nghiệp:

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng mẫu mã sản phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu doanh nghiệp đáp ứng theo nhu cầu thị trường; ưu tiên công nghệ sạch, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để mời gọi và thu hút các dự án sản xuất công nghiệp và các cụm công nghiệp đã quy hoạch. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết đầu tư vùng nguyên liệu tại chỗ phục vụ các ngành công nghiệp chế biến nhằm tăng khả năng cạnh tranh. Khẩn trương triển khai các dự án điện gió đã được cấp chủ trương đầu tư; đồng thời, tiếp tục thực hiện các thủ tục để cấp chủ trương đầu tư cho các dự án còn lại theo quy hoạch.

c) Đối với dịch vụ:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực dịch vụ như: Thương mại, du lịch, ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, vận tải,... Quan tâm phát triển đầu tư hạ tầng thương mại ở khu vực thành thị và nông thôn theo quy hoạch đề ra.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và trao đổi ngoại thương với các thị trường truyền thống, chú trọng mở rộng thị trường với các nước đã ký kết hiệp định thương mại tự do với Việt Nam. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng giảm dần mặt hàng sơ chế, đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng tinh chế, có giá trị gia tăng cao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, nâng cấp và xây dựng mới các tour du lịch sinh thái, rừng ngập mặn, rừng tràm, các di tích lịch sử văn hóa. Có chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn còn khó khăn về hạ tầng nhưng có tiềm năng lớn để phát triển du lịch; tạo điều

kiện, hỗ trợ doanh nghiệp về công tác đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường mở rộng đầu mối liên kết phát triển du lịch giữa nhà nước và doanh nghiệp. Chú trọng liên kết vùng trong khai thác, phát triển du lịch.

2. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng

- Thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; từng bước cải thiện dần thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); phấn đấu nằm trong nhóm 08 tỉnh của Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, thông tin quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án được phê duyệt của tỉnh; tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh, các nguồn vốn vay ưu đãi và các chương trình hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực và cải thiện khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nâng cao tính minh bạch trong môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho hộ kinh doanh hoạt động sản xuất. Tiếp tục triển khai các chính sách để phát triển kinh tế tập thể theo hướng bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài.

3. Tăng cường quản lý ngân sách

- Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, tập trung các giải pháp chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, triệt để tiết kiệm và hiệu quả. Rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên; kiên quyết cắt giảm các khoản chi kém hiệu quả và chưa thật sự cần thiết. Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Tài chính - Ngân sách 03 năm 2020 - 2022.

4. Phát triển giao thông vận tải

Tập trung đầu tư phát triển và kiến nghị Trung ương triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, huyết mạch trên địa bàn tỉnh; hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án đã đầu tư, đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông. Theo dõi, giám sát chặt chẽ các công trình khoán bảo dưỡng thường xuyên và triển khai thực hiện khoán bảo dưỡng thường xuyên các công trình giao thông cấp huyện quản lý.

5. Tăng cường hợp tác, liên kết vùng

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long, Tiểu vùng Bán đảo Cà Mau và các địa phương khác theo các nội dung đã ký kết.

6. Phát triển khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong các đề tài, dự án một cách đồng bộ và hiệu quả trên các lĩnh vực. Chọn và triển khai nhân rộng các đề tài, dự án phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh.

- Tăng cường quản lý đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ; hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

7. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Cà Mau giai đoạn 2011 - 2020 nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng Đề án sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo các trường có quy mô số học sinh, số lớp hợp lý, tạo điều kiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo tinh gọn. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục.

- Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp trong xã hội để chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh, phát triển thêm các trường phổ thông ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

8. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu; triển khai tốt các Chương trình mục tiêu về y tế, kiểm soát chặt chẽ diễn biến bệnh dịch, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; hạn chế tối đa quá tải bệnh viện; xây dựng nâng cao chất lượng bệnh viện theo Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện do Bộ Y tế ban hành. Nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh, thực hiện tốt Quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế; hướng tới bệnh viện xanh - sạch - đẹp.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế về số lượng và chất lượng. Trong đó, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho tuyến y tế cơ sở, các chuyên khoa mũi nhọn và các chuyên khoa còn thiếu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực khám chữa bệnh, trang thiết bị y tế; quan tâm đầu tư phát triển y tế dự phòng, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở.

9. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch; bảo đảm an sinh xã hội

9.1. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới hướng đến chất lượng, hiệu quả. Từng bước đầu tư đồng bộ các thiết chế văn hóa, trong đó ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa phục vụ cho sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa nhằm động viên nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội tham gia xây dựng phát triển văn hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đưa việc tập luyện thể dục thể thao trở thành thói quen của mọi người dân, trong mọi đối tượng, địa bàn nghề nghiệp nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực của quần chúng nhân dân và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của xã hội.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh sẵn có để phát triển du lịch theo hướng bền vững; xây dựng các sản phẩm du lịch trọng tâm mang tính cạnh tranh như du lịch địa lý, du lịch biển đảo, du lịch sinh thái gắn với hệ thống rừng ngập nước. Phát triển kết cấu hạ tầng, bao gồm cả hạ tầng giao thông để kết nối tới các điểm du lịch quan trọng và tiềm năng của địa phương.

9.2. Thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội và an sinh xã hội:

- *Lao động việc làm:* Đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đảm bảo phù hợp tình hình, điều kiện phát triển kinh tế -

xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước. Phát triển thị trường lao động, xây dựng và thực hiện đồng bộ hệ thống thông tin thị trường lao động. Thực hiện tốt Đề án đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- *Đào tạo nghề*: Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người lao động về vai trò, vị trí của công tác đào tạo nghề đối với quá trình giải quyết việc làm, từng bước làm thay đổi nhận thức của người lao động về công tác đào tạo nghề, làm cho người lao động xác định được đào tạo nghề vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi nhằm chủ động và tích cực tham gia học nghề để giải quyết việc làm. Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, khuyến khích tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề.

- *Giảm nghèo*: Triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp; tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, chủ động và tự vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo và Kế hoạch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020.

- *Chính sách người có công*: Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đối với người có công; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho gia đình chính sách.

- *Bảo trợ xã hội*: Tổ chức thực hiện và giữ vai trò chủ đạo trong tổ chức thực hiện hệ thống an sinh xã hội phù hợp với từng thời điểm cụ thể nhằm bảo vệ người dân trước những rủi ro trong cuộc sống, tạo điều kiện để các đối tượng bảo trợ xã hội cải thiện cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

- *Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ*: Đẩy mạnh và đổi mới hiệu quả các hình thức truyền thông về trẻ em; phổ biến, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, hành động và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân về thực hiện bình đẳng giới, bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ trẻ em; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề liên quan đến trẻ em.

- *Đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn xã hội*: Làm tốt công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong quản lý, xử lý vi phạm; dạy nghề, tạo việc làm, hỗ trợ vốn cho các đối tượng hoàn lương tái hòa nhập cộng đồng có cuộc sống ổn định; triển khai thường xuyên công tác kiểm tra, xử lý vi phạm, tạo tính răn đe chung, tích cực trong công tác đấu tranh triệt phá các tụ điểm mại dâm, ma túy và các loại tệ nạn xã hội khác.

- Phần đầu tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp (so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (so với số người thuộc diện tham gia) đạt 1,34%.

10. Công tác dân tộc, tôn giáo

10.1. Công tác dân tộc

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020; sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn lực khác cho mục tiêu hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Chú trọng và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, những phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn. Thường xuyên khảo sát, nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn, bức xúc phát sinh; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

10.2. Công tác tôn giáo

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức về công tác tôn giáo cho cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành, địa phương; tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên là người có đạo, xây dựng lực lượng cốt cán trong tín đồ các tôn giáo.

- Phối hợp đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, công tác tôn giáo, kịp thời rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thích hợp để thực hiện tốt hơn.

11. Công tác ngoại vụ

- Thường xuyên quán triệt và triển khai chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài. Tổ chức đoàn ra theo quy định, chú trọng

triển khai thực hiện hiệu quả xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

- Thực hiện tốt mối quan hệ hữu nghị, hợp tác cấp địa phương với các nước láng giềng; tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa tỉnh Cà Mau với tỉnh Khăm Muộn - Lào, tỉnh Koh Kong - Campuchia, tỉnh Trat - Thái Lan, Liên đoàn Công thương tỉnh Nagasaki - Nhật Bản đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài đến hoạt động và triển khai các chương trình, dự án viện trợ tại địa phương; tạo điều kiện thuận lợi, cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Cà Mau theo quy định.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, đặc biệt là ngư dân, tàu cá tỉnh Cà Mau ở nước ngoài. Chủ động, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong công tác bảo hộ và lợi ích chính đáng của công dân trong tình di cư ra nước ngoài.

12. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường; phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng bền vững. Sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên nước mặt, nước ngầm gắn liền với công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước. Tăng cường quản lý hoạt động khai thác cát ven biển, đất mặt trái phép và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả thải, thu gom, vận chuyển, xử lý, thải bỏ, chôn lấp các loại chất thải. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường. Đảm bảo chất thải công nghiệp, đô thị và chất thải y tế được thu gom, xử lý đúng quy định.

- Chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Lồng ghép các chỉ tiêu liên quan đến phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án khắc phục thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn. Khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và có quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp.

- Tăng cường công tác phối hợp quản lý dân cư tự do; tiếp tục di dời, giải tỏa các hộ dân đang sinh sống tại những nơi không đảm bảo an toàn để bố trí vào các khu tái định cư.

- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quá trình chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.

- Huy động các nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thúc đẩy các chương trình, dự án trong lĩnh vực phòng, chống

thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu từ các tổ chức quốc tế tài trợ.

13. Tăng cường quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc gắn với giữ vững chủ quyền an ninh biên, đảo.

- Chủ động ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả đối với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm; đảm bảo ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và của tỉnh.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Kiểm chế gia tăng tội phạm, tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tăng cường công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và phòng, chống cháy, nổ và giảm thiểu tai nạn giao thông; nâng cao chất lượng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

14. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

14.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tăng cường các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện trong công tác cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực thi thủ tục hành chính, đặc biệt về giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Công bố kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định, kịp thời tham mưu, trình công bố, công khai thủ tục hành chính đã hết hiệu lực; tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; kiến nghị giảm số lượng thành phần hồ sơ và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về dịch vụ công trực tuyến bằng nhiều hình thức; đẩy mạnh xây dựng chính quyền đô thị, đô thị thông minh. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông, hạn chế thấp nhất các hồ sơ giải quyết trễ hạn, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế. Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh bằng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

14.2. Tăng cường công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Theo dõi đôn đốc, việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp và xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hạn chế phát sinh mới các khiếu nại đông người, vượt cấp và tập trung xử lý các vụ việc tồn đọng kéo dài. Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

- Tiếp tục tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi vị trí việc làm.

14.3. Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; tăng cường các thông tin chính thức một cách công khai, minh bạch và kịp thời về tình hình và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để tạo được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, của nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành. Phát huy tính tự chủ của các cơ quan báo chí gắn với nâng cao chất lượng hoạt động báo chí.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia phát triển dịch vụ bưu chính,

viễn thông; phát triển đa dạng và toàn diện các loại hình dịch vụ; đồng thời tăng cường công tác thanh kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ, giá cước để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng.

- Triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin mạng, giám sát các hệ thống thông tin của tỉnh đảm bảo vận hành an toàn hệ thống chính quyền điện tử.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (hoàn thiện sau thẩm tra)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Quân khu 9;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (VIC);
- UBND các huyện, TP. Cà Mau (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng khối NC-TH;
- Lưu: VT (Đa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU NĂM 2020



TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Các chỉ tiêu về kinh tế								
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh	Tỷ đồng	40.480	43.320	43.320	46.350	107,0	100,0	107,0
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	11.590	12.340	12.340	13.080	106,5	100,0	106,0
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	10.920	11.470	11.470	12.101	105,0	100,0	105,5
	+ Dịch vụ	"	16.380	17.800	17.800	19.331	108,7	100,0	108,6
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	1.590	1.710	1.710	1.838	107,5	100,0	107,5
	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá thực tế	Tỷ đồng	52.050	56.210	56.210	60.718	108,0	100,0	108,0
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	15.360	16.400	16.400	17.510	106,8	100,0	106,8
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	13.790	14.650	14.650	15.564	106,2	100,0	106,2
	+ Dịch vụ	"	20.900	23.000	23.000	25.311	110,0	100,0	110,0
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	2.000	2.160	2.160	2.333	108,0	100,0	108,0
	Cơ cấu kinh tế (giá thực tế)	%	100,0	100,0	100,0	100,0			
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	29,5	29,2	29,2	28,8			
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	26,5	26,1	26,1	25,6			
	+ Dịch vụ	"	40,2	40,9	40,9	41,7			
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	3,8	3,8	3,8	3,8			
	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	43,5	45,6	47,1	50,8	108,3	103,2	107,9
	<i>(Quy đổi ra USD)</i>	USD	1.927	1.960	2.028	2.182	105,2	103,4	107,6
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	12.300	13.400	13.810	14.800	112,3	103,1	107,2
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.128	1.200	1.100	1.200	97,5	91,7	109,1

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
4	Thu ngân sách	Tỷ đồng	4.715	4.569	5.130	5.695	108,8	112,3	111,0
5	Chi ngân sách	Tỷ đồng	11.448,5	9.696,3	12.502,7	11.419,3	109,2	128,9	91,3
II	Các chỉ tiêu về xã hội								
6	Tỷ lệ hộ nghèo (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội)	%	4,04	2,74	2,32	1,82			
	<i>Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo</i>	%	<i>Giảm 1,92%</i>	<i>Giảm 1,3%</i>	<i>Giảm 1,72%</i>	<i>Giảm 0,5%</i>			
7	Giải quyết việc làm	Người	38.729	38.500	38.700	39.000	99,9	100,5	100,8
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể truyền nghề)	%	44	47	47	50			
9	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	11,4	11,1	11,1	11			
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	89,7	89	90	92			
11	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH bắt buộc	%	79,6	90	91,19	95			
12	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH tự nguyện	%	0,41	0,69	1,03	1,34			
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	81,02	90	91,62	95			
III	Các chỉ tiêu về môi trường								
14	Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán	%	25,3	25,6	25,6	26			
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định	%	97	100	100	100			

KẾ HOẠCH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2020



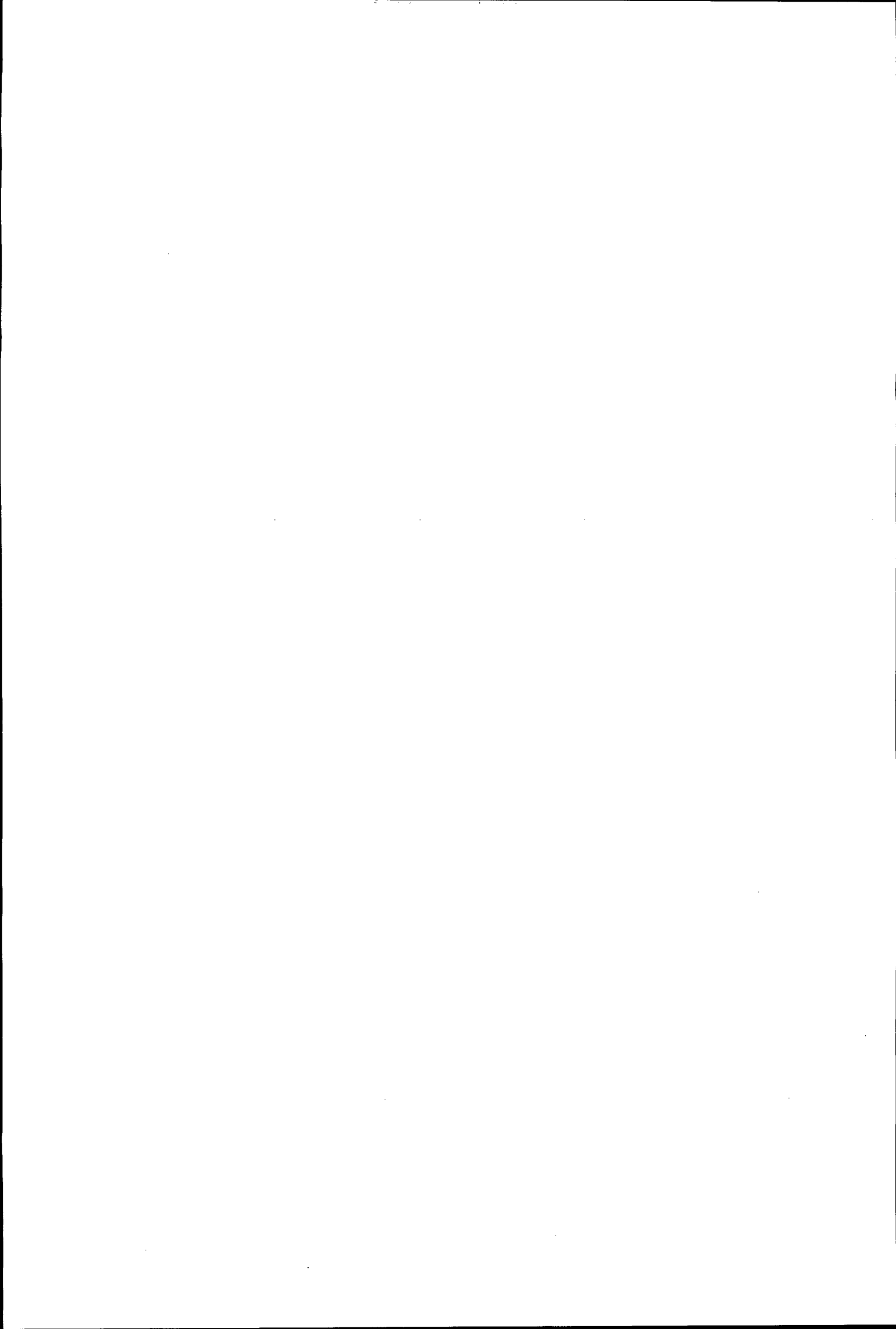
TT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							Ư' TH 2019/ TH 2018	Ư' TH 2019/ KH 2019	KH 2020/ Ư' TH 2019
1	2	3	4	5	7	8	8=7/4	9 = 7/5	10=8/7
A THỦY SẢN									
1	Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác	Tấn	550.583	560.000	568.000	600.000	103,2	101,4	105,6
	- Trong đó: sản lượng tôm	"	190.199	208.500	200.000	210.000	105,2	95,9	105,0
1,1	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	335.670	360.000	339.500	360.000	101,1	94,3	106,0
	- Trong đó: sản lượng tôm	"	178.742	196.000	190.000	200.000	106,3	96,9	105,3
1.2	Sản lượng khai thác	Tấn	214.913	200.000	228.500	240.000	106,3	114,3	105,0
	- Trong đó: sản lượng tôm	"	11.457	12.500	10.000	10.000	87,3	80,0	100,0
2	Tổng diện tích nuôi tôm		280.849	280.000	280.000	280.000	99,7	100,0	100,0
	<i>Riêng:</i>								
2.1	Diện tích nuôi tôm công nghiệp	Ha	9.500	10.695	8.740	8.720	92,0	81,7	99,8
	<i>Trong đó: nuôi tôm siêu thâm canh</i>		2.100	2.300	2.510	2.800	119,5	109,1	111,6
2.2	Diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến	Ha	130.157	136.500	140.000	150.000	107,6	102,6	107,1
B NÔNG NGHIỆP									
1	Cây lúa								
	- Năng suất gieo trồng	Tấn/ha	4,5	4,5	4,5	4,6	99,5	100,0	102,2
	- Sản lượng lúa	Tấn	530.734	520.000	520.000	520.000	98,0	100,0	100,0
2	Đàn heo xuất chuồng	Con	209.345	240.000	190.000	220.000	90,8	79,2	115,8
3	Đàn gia cầm xuất chuồng	Con	3.555.950	3.350.000	3.350.000	3.500.000	94,2	100,0	104,5
C LÂM NGHIỆP									
	- Diện tích có rừng tập trung	Ha	95.100	95.500	96.000	96.500	100,9	100,5	100,5
	- Diện tích rừng trồng mới	Ha	534	500	500	500	93,6	100,0	100,0
	- Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán	%	25,3	25,6	25,6	26,0			
D PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN									
-	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,3	93,5	91,3	92,0			
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	30,0	35,0	35,0	41,0	116,7	100,0	117,1

TT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	36,6	42,7	42,7	50,0			
E	PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI								
1	Tỷ lệ khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển có biển báo, cảnh báo sạt lở	%	70	80	80	90			



KẾ HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI NĂM 2020

TT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Khối lượng vận chuyển hàng hóa	1.000 Tấn	2.524	2.594	2.641	2.713	104,6	101,8	102,7
1	Đường bộ	"	658	671	687	701	104,4	102,4	102,0
2	Đường thủy	"	1.845	1.901	1.932	1.990	104,7	101,6	103,0
3	Đường hàng không	"	21	22	22	22	104,8	100,0	100,0
II	Khối lượng vận chuyển hành khách	1.000 HK	82.878,0	84.338,0	84.681,0	86.198,0	102,2	100,4	101,8
1	Đường bộ	"	73.800,0	75.300,0	76.400,0	78.000,0	103,5	101,5	102,1
2	Đường thủy	"	9.040	9.000	8.243	8.160	91,2	91,6	99,0
3	Đường hàng không	"	38	38	38	38	100,0	100,0	100,0
III	Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	81	82	81	82	100,0	98,8	101,2
IV	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	99	100	99	100	100,2	99,0	101,0
V	Số km đường GTNT xây dựng trong năm	Km	499	300	440	300	88,2	146,7	68,2
VI	Phòng, chống thiên tai								
1	Có biển báo, cảnh báo bảo đảm an toàn đường sông, đường bộ vào mùa mưa bão	%	100	100	100	100			
2	Tỷ lệ tàu thuyền có trang bị trang thiết bị an toàn như phao cứu sinh, xuồng cứu hộ, đèn chiếu sáng...	%	100	100	100	100			





KẾ HOẠCH CÔNG THƯƠNG NĂM 2020

TT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							Ư' TH 2019/ TH 2018	Ư' TH 2019/ KH 2019	KH 2020/ Ư' TH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9 = 6/5	10=7/6
A	CÔNG NGHIỆP								
I	Một số sản phẩm chủ yếu								
	- Sản lượng chế biến tôm đông	Tấn	149.278	143.900	143.900	147.500	96,4	100,0	102,5
	- Sản lượng điện sản xuất	Tr.KWh	7.367	8.000	8.000	8.000	108,6	100,0	100,0
	- Sản lượng đạm	Tấn	806.512	800.000	800.000	800.000	99,2	100,0	100,0
	- Sản lượng khí thương phẩm	Triệu m ³	1.817	2.000	2.000	2.000	110,1	100,0	100,0
	- Sản lượng khí hóa lỏng	Tấn	165.014	170.000	170.000	145.000	103,0	100,0	85,3
II	Điện khí hóa nông thôn								
	- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,0	99,5	99,9	99,9			
B	THƯƠNG MẠI								
I	Nội thương								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá thực tế)	Tỷ đồng	57.918	62.350	62.350	68.585	107,7	100,0	110,0
II	Ngoại thương								
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.128	1.200	1.100	1.200	97,5	91,7	109,1

TT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9 = 6/5	10=7/6
	<i>Trong đó: + Hàng thủy sản và các mặt hàng khác</i>	"	1.095	1.170	1.061,8	1.150	97,0	90,8	108,3
	<i>+ Đạm</i>	"	32	30	38,2	50	119,3	127,3	131,0
2	Khối lượng hàng xuất khẩu chủ yếu	Ngàn tấn	225,0	243,5	232,1	279,0	103,2	95,3	120,2
	- Thủy sản chế biến xuất khẩu	Ngàn tấn	119,0	133,5	122,1	132,4	102,6	91,4	108,4
	- Đạm	Ngàn tấn	106,0	110,0	110,0	146,7	103,8	100,0	133,3
C	PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI								
1	Tỷ lệ các điểm xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây tải điện và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố nếu cần thiết để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra	%	100	100	100	100			





KẾ HOẠCH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2020

STT	DANH MỤC	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
I	VĂN HÓA								
1	Tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa	%	81,45	83	83	85			
2	Tỷ lệ xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	56,09	60	60	60,97			
3	Tỷ lệ huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	88,9	89	88,9	88,9			
II	THỂ THAO								
1	Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	31,5	32	32	32,5			
2	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	26,5	27	27	27,5			
III	DU LỊCH								
1	Tổng số khách du lịch:	Lượt người	1.440.310	1.660.000	1.673.000	1.860.000	116,2	100,8	111,2
	- Khách trong nước	Lượt người	1.412.341	1.632.000	1.644.200	1.830.000	116,4	100,7	111,3
	- Khách quốc tế	Lượt người	27.969	28.000	28.800	30.000	103,0	102,9	104,2
2	Doanh thu thuần du lịch	Tỷ đồng	2.200	2.420	2.495	2.600	113,4	103,1	104,2





KẾ HOẠCH DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2020

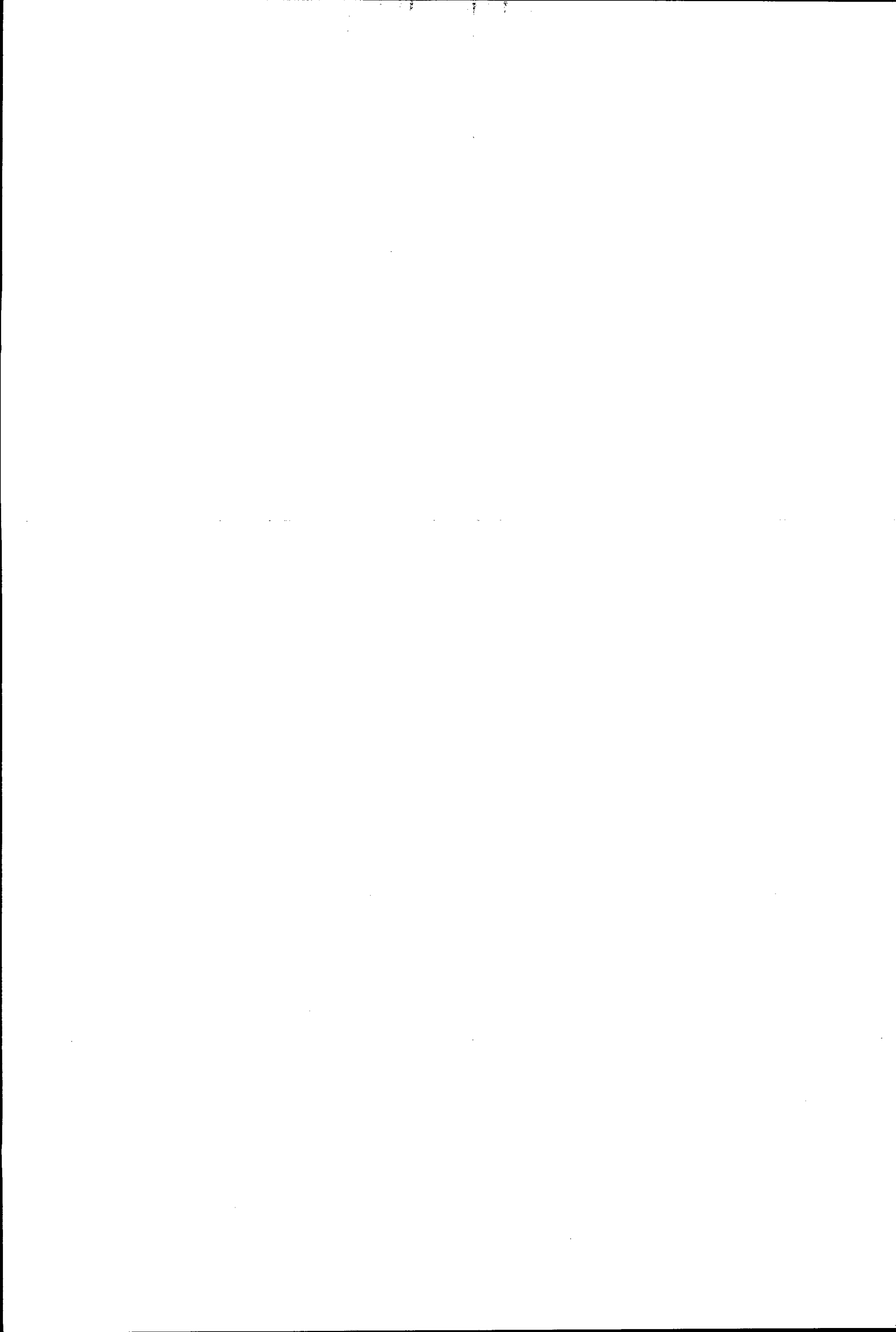
TT	Danh mục	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
	Dân số								
	- Dân số	Người	1.197.306	1.232.000	1.194.476	1.195.696	99,8	97,0	100,1
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,940	0,935	0,815	0,810			
	- Giảm tỷ lệ sinh	%	0,005	0,005	0,005	0,005			
1	Giải quyết việc làm	Lao động	38.729	38.500	38.700	39.000	99,9	100,5	100,8
	<i>Trong đó: - Lao động ngoài nước</i>	"	60	400	250	500	416,7	62,5	200,0
	<i>- lao động ngoài tỉnh</i>	"	23.302	20.100	22.450	18.500	96,3	111,7	82,4
	<i>- lao động trong tỉnh</i>	"	15.367	18.000	16.000	20.000	104,1	88,9	125,0
2	Đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề	Lao động	36.255	35.000	35.000	35.000	96,5	100,0	100,0
	- Các huyện, thành phố	"	25.507	25.000	24.000	24.800	94,1	96,0	103,3
	- Các trường và TTDN của tỉnh	"	10.748	10.000	11.000	10.200	102,3	110,0	92,7
4	Tỷ lệ hộ nghèo (không bao gồm hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội)	%	4,04	2,74	2,32	1,82			
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,92	1,3	1,72	0,5			
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể truyền nghề)	%	44	47	47	50			
6	Cơ cấu sử dụng lao động	%	100	100	100	100			

	- Lao động ngư nông lâm nghiệp	%	54	52	52	50			
	- Lao động công nghiệp, xây dựng	%	22	23	23	24			
	- Lao động dịch vụ	%	24	25	25	26			
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm bắt buộc	%	79,6	90	91,2	95			
8	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	0,41	0,69	1,03	1,34			
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	81,02	90	91,62	95			
10	Phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai								
	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được dạy nghề	%	6,9	6,9	2,4	2,1			
	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được tư vấn việc làm	%	100	100	100	100			
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn công nhận phù hợp với trẻ em và có kế hoạch phòng chống GNRRTT cho trẻ em	%	100	100	75	-			



KẾ HOẠCH Y TẾ NĂM 2020

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		
							ƯTH 2019/ TH 2018	ƯTH 2019/ KH 2019	KH 2020/ ƯTH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Giường bệnh	Giường	3.807	3.807	3.807	3.937	100,0	100,0	103,4
1	Giường bệnh cấp tỉnh	"	2.640	2.640	2.640	2.760	100,0	100,0	104,5
2	Giường bệnh cấp huyện	"	560	560	560	570	100,0	100,0	101,8
3	Giường phòng khám đa khoa khu vực	"	170	170	170	170	100,0	100,0	100,0
4	Giường trạm y tế xã	"	437	437	437	437	100,0	100,0	100,0
II	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	28,14	27,5	28,2	29,27	100,2	102,5	103,8
III	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn	%	11,4	11,1	11,1	11,0			
IV	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	89,7	89,0	90,0	92,09			
V	Bình quân số Bác sĩ, Dược sĩ đại học/vạn dân	BS, DS	12,6	12,8	13,0	13,7	103,6	101,6	105,4
VI	Phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực y tế								
1	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trong thiên tai	%	94,8	95,0	95,0	95,0			



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)		
							Ư' TH 2019 /TH 2018	Ư' TH 2019 /TH 2019	KH 2020 /Ư' TH 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được kiên cố hóa và có khả năng chống chịu và giảm nhẹ trước tác động của thiên tai	%	50	100	100	100			
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đưa nội dung GNRRTT-UPBĐKH lồng ghép vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa	%	100	100	100	100			